

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN CHĂN NUÔI LỢN THỊT TẠI XÃ MAI SAO

(Kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)

Tên Dự án: Dự án chăn nuôi lợn thịt tại xã Mai Sao

Đơn vị thực hiện: UBND xã Mai Sao

Thời gian thực hiện: Từ 06/2024 đến 10/2025. Quy mô: 34 con. Số hộ tham gia: 5 hộ.

Địa điểm thực hiện: Thôn Sao Hạ, Mạn Đường, xã Mai Sao.

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn giá	Tổng số tiền	Trong đó		Ghi chú
						Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Đổi ứng của người dân	
	TỔNG KINH PHÍ DỰ TOÁN				261.856.000	155.000.000	106.856.000	
I	Con giống, cám hỗn hợp, thuốc thú y, xây chuồng trại				251.614.400	144.758.400	106.856.000	
1	Con giống Lợn lai F1 (lợn trắng): Số lượng 34 con; trọng lượng từ 22kg -24 kg/con; trọng lượng bình quân 22,7kg/con, lợn 2,5 tháng tuổi; lợn được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phòng dịch bệnh, gồm Tụ huyết trùng, dịch tả lợn, lở mồm long móng; có giấy xác nhận tình trạng sức khỏe vật nuôi của cơ quan thú y nơi xuất bán cấp. Lợn có dáng đi cân đối, không bị dị tật ở mắt, mồm, chân, đuôi. Bảo hành về chất lượng con giống trong vòng 25 ngày kể từ ngày giao nhận; xuất xứ rõ ràng.	Kg	771,8	138.000	106.508.400	106.508.400		
2	Cám hỗn hợp. Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm (max): 13%; Protein thô (min): 18%; ME (min): 3.100Kcal/kg; Xơ thô (max): 6%; Canxi (min-max): 0,8-1%; Phốt pho tổng số (min-max): 0,4-1%; Lysine tổng số (min): 0,9%; Methionine và Crystine tổng số (min): 0,5%; kháng sinh : không có; hooc môn : không có	Kg	7.650	15.000	114.750.000	38.250.000	76.500.000	NSNN hỗ trợ 2.550 kg Hộ dân đổi ứng 5.100 kg
3	Tonic vit C: Điện giải, vitamin C và đường Glucos	Gói 100g	34	14.000	476.000		476.000	
4	Vacxin dịch tả lợn Châu phi	Liều	34	60.000	2.040.000		2.040.000	
5	Thuốc tiêu chảy: thành phần : Fructus: 5,5g; Alumen: 5,2g; Calcium carbonat: 4,5g, tá dược vừa đủ : 20g	Gói 20g	34	10.000	340.000		340.000	
5	Chi phí chuồng trại	Cái	5	5.500.000	27.500.000		27.500.000	
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN				7.741.000	7.741.000		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn giá	Tổng số tiền	Trong đó		Ghi chú
						Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Đổi ứng của người dân	
1	Chứng thư thẩm định giá	Lần	1	3.300.000	3.300.000	3.300.000		
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Lần	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000		
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Lần	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000		
4	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Lần	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000		
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Lần	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000		
6	Kinh phí đăng tải thông báo mời chào hàng là 165.000 đồng/gói thầu/thứ tiếng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)	Lần	1	165.000	165.000	165.000		
7	Kinh phí họp triển khai dự án (01 buổi)				276.000	276.000		
7.1	Nước uống	Người	12	10.000	120.000	120.000		
7.2	Văn phòng phẩm (bút, vở, túi khuy, in ấn tài liệu..)	Người	12	13.000	156.000	156.000		
III	CHI PHÍ TẬP HUẤN (05 người/ lớp x 01 buổi)				1.750.600	1.750.600		
1	Hỗ trợ tiền ăn	Người	5	40.000	200.000	200.000		
2	Nước uống	Người	5	20.000	100.000	100.000		
3	Văn phòng phẩm (bút, vở, túi khuy, tài liệu..)	Bộ	5	60.000	300.000	300.000		
4	Giảng viên	đồng/người/b uổi	1	700.000	700.000	700.000		
5	Ma ket	Cái	1	450.600	450.600	450.600		
IV	Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả	Buổi thực địa	15	50.000	750.000	750.000		